

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2021/HS-ST.

Ngày: 31 - 5 - 2021.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Hồng Hiệp

Ông Nguyễn Thanh Rục

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ngọc Ánh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Hà Quang Duy – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 10/2021/TLST-HS ngày 23 tháng 4 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2021/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 5 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Thạch C, sinh năm 1983; nơi sinh: Tại tỉnh Hậu G; Nơi cư trú: Ấp Phú Lễ A, xã Phú T, huyện C T, tỉnh Hậu Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1961 (chết) và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1960; bị cáo có vợ tên Danh Thị T, sinh năm 1984; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 14/6/2017 bị cáo bị Công an huyện C Thành, tỉnh Hậu Giang ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính (Quyết định số 21) về hành vi xâm hại đến sức khỏe của người khác, bằng hình thức phạt tiền với mức phạt 2.500.000 đồng, bị cáo chưa thực hiện việc nộp phạt; nhân thân: Ngày 07/8/2004, bị cáo bị Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc về hành vi gây rối trật tự công cộng, trong thời hạn 24 tháng, bị cáo chấp hành tại Cơ sở giáo dục bắt buộc Cồn Cát, đến ngày 7/5/2006 thì chấp hành xong; bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/01/2021 cho đến nay (có mặt).

2. Họ và tên: Trần Hoàng G, sinh ngày 23/11/1983; nơi sinh: Tại tỉnh Sóc Trăng; nơi cư trú: Ấp Bung Tróp B, xã An H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Bé, sinh năm: 1948 và bà Huỳnh

Thị T, sinh năm 1948; bị cáo có vợ tên Dương Kim L, sinh năm 1984; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: vào ngày 29/9/2011 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện L xử phạt 09 tháng tù về Tội trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009 (bản án số 26); ngày 31/10/2011 Bị Tòa án nhân dân huyện C T, tỉnh Sóc Trăng xử phạt 01 năm 03 tháng tù về Tội trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009 (bản án số 53). Bị cáo chấp hành xong tổng hợp hình phạt của hai bản án là 02 năm tù vào ngày 21/4/2013 và đã nộp án phí vào ngày 17/01/2012 nên đã được xóa án tích; bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/01/2021 cho đến nay (có mặt).

- *Bị hại:* Bà Trương Thị Huỳnh Như, sinh ngày 21/9/2000; địa chỉ: Ấp Nhất, xã C Khánh, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Trần Huệ Linh, sinh năm 1985; địa chỉ: Ấp An Trạch, xã An Hiệp, huyện C Thành, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

- *Người làm chứng:* Ông Lâm Nhật Huy, sinh năm 1994; địa chỉ: Ấp An Trạch, xã An Hiệp, huyện C Thành, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 07 giờ ngày 01/01/2021, Trần Hoàng G điều khiển xe mô tô nhãn hiệu FUSIN màu đen – xám, biển kiểm soát 83P4-083.35 chở Nguyễn Thạch C đi mua cây mai tại phường 10, thành phố Sóc Trăng nhưng không có, sau đó Gđiều khiển xe 83P4-083.35 chở C đi đến huyện L với mục đích tìm cây mai để mua. Gđiều khiển xe chở C đi trên Huyện lộ 22 theo hướng xã Tân T – xã C K, trên đường đi thì C nói với G là hết thuốc lá hút, khi nào gặp tiệm tạp hóa thì dừng xe lại mua.

Đến khoảng 08 giờ cùng ngày, khi Gđiều khiển xe chở C đi ngang tiệm tạp hóa của Trương Thị Huỳnh Như, cư trú: ấp Nhất, xã C Khánh, huyện L, thì C kêu Gdừng xe lại để vào mua thuốc hút, nên Gdừng xe lại, C xuống xe và đi vào tiệm tạp hóa của Trương Thị Huỳnh Như để mua thuốc hút, khi Như đưa bao thuốc cho C thì C nhìn thấy Như có đeo sợi dây chuyền vàng (trọng lượng 2,69 chỉ vàng 17K) trên cổ nên C nảy sinh ý định cướp giật sợi dây chuyền, sau đó C đi lại chỗ Gđang đậu xe, C lấy điều thuốc đưa cho Gvà nói với G là “*có đồ kìa, làm không*” (có nghĩa là có vàng kìa, giật không) thì Gđồng ý và trả lời “*làm thì làm*” (có nghĩa là giật thì giật), lúc này C đi vào tiệm tạp hóa, còn Gthì nổ máy xe đợi sẵn, khi C gặp Như thì C hỏi mua chai nước C2, Như trả lời là “*hết C2 rồi, chỉ còn trà Ô Long thôi*” thì C đồng ý mua, Như đi vào quán lấy chai nước và quay trở ra chỗ C đang đứng, Như đưa chai nước cho C thì C dùng tay trái lấy chai nước, tay phải đưa tờ tiền 10.000 đồng cho Như, khi Như lấy tiền từ C thì C dùng tay phải giật đứt sợi dây chuyền vàng trên cổ của Như rồi bỏ chạy ra ngoài xe của Gđang đợi sẵn và lên xe, liền lúc này Gtăng ga bỏ chạy, C thì dùng hai tay che biển kiểm soát của xe lại, trong lúc này thì C vẫn cầm sợi dây chuyền vàng trên tay. Chạy được một đoạn thì C bỏ sợi dây chuyền vào túi quần của C, sau đó C nói với G là sợ rút sợi dây chuyền thì Gnói “*sợ*

rớt thì bỏ vào túi áo của tao”, C đồng ý và lấy sợi dây chuyền bỏ vào túi áo của Gắm, sau đó G tiếp tục điều khiển xe chở C bỏ chạy.

Đến khoảng 09 giờ cùng ngày G và C đến khu vực ngã ba An Trạch, thuộc ấp An Trạch, xã An Hiệp, huyện C Thành, tỉnh Sóc Trăng để tìm nơi bán sợi dây chuyền, lúc này C và G đi vào 01 tiệm vàng (C và G không nhớ tên và địa chỉ) để bán sợi dây chuyền nhưng không bán được. Lúc này G nói với C là “để tao đi bán, tao có người quen” thì C đồng ý, G điều khiển xe chở C đến tiệm vàng Thành Hưng thuộc ấp An Trạch, xã An Hiệp, huyện C Thành, tỉnh Sóc Trăng, khi đến nơi thì C ở ngoài, G cầm sợi dây chuyền đi vào gặp bà bà Trần Huệ Linh (là chủ tiệm vàng Thành Hưng) để bán sợi dây chuyền, bà Linh hỏi G “vì sao bán” thì G trả lời là cần tiền để mua mai kiểng bán ra trong dịp tết nguyên đán và G nói với bà Linh là sợi dây chuyền này của Gắm, do G thường xuyên đến cầm đồ tại tiệm vàng Thành Hưng nên bà Linh đồng ý mua sợi dây chuyền của G với giá 9.415.000 đồng. Sau khi nhận tiền thì G đi ra chỗ C và cả hai đi đến 01 quán cà phê (C và G không biết tên và địa chỉ) tại đây G đưa cho C 4.500.000 đồng còn G lấy 4.500.000 đồng, số tiền còn lại thì G trả tiền cà phê và ăn uống hết 415.000 đồng. Sau đó thì cả hai đi về nhà.

Theo kết luận định giá tài sản số 01/KL.HĐĐGTS ngày 18/01/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự của Ủy ban nhân dân huyện L kết luận: 01 (một) sợi dây chuyền vàng, loại 17K, cân nặng 2,69 chỉ, có giá trị: 2,69 chỉ x 3.980.000 đồng = 10.706.200 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo C, bị cáo G theo quy định tại khoản 1 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo C, bị cáo G phạm tội Cướp giật tài sản và áp dụng khoản 1 Điều 171; Điều 17, khoản 1 Điều 38; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Thạch C, xử phạt bị cáo từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù; Áp dụng khoản 1 Điều 171; Điều 17, khoản 1 Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Trần Hoàng G xử phạt bị cáo từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù; Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 584, Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015: Buộc bị cáo Nguyễn Thạch C phải có trách nhiệm bồi thường cho bà Trương Thị Huỳnh Như số tiền là 3.206.000 đồng (Ba triệu hai trăm lẻ sáu nghìn đồng) và bị cáo Trần Hoàng G phải có trách nhiệm bồi thường cho bà Trương Thị Huỳnh Như số tiền là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng); Đối với số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) là số tiền mà bị cáo G giao nộp tại cơ quan điều tra: Tại phiên tòa bị cáo cho rằng số tiền có được do bán được sợi dây chuyền nhưng bị cáo nộp là để khắc phục hậu quả cho bị hại và nhằm đảm bảo quyền lợi cho bị cáo, bị hại nên đề nghị Hội đồng xét xử xác định số tiền trên là tiền khắc phục hậu quả cho bị hại G nên tiếp tục giao cho Cơ quan thi hành án dân sự huyện L quản lý số tiền mà bị cáo Trần Hoàng G đã nộp là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) để đảm bảo thi hành án; Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01

(một) xe mô tô nhãn hiệu FUSIN, màu sơn đen - xám, biển kiểm soát 83P4 - 083.35 số máy FMH380000567, số khung H4RR8D000567 (chủ sở hữu bị cáo Gắm), Tích thu và tiêu hủy 01 (một) áo sơ mi dài tay, màu trắng có sọc kẻ dọc màu đen; 01 (một) áo khoác màu xám, loại vải dù; 01 (một) quần dài, loại vải kaki, màu xám; 01 (một) nón bảo hiểm màu xanh, phía sau có chữ NÓN SƠN.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; Kết luận định giá tài sản số 01/KL.HĐĐGTS ngày 18/01/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự của Ủy ban nhân dân huyện L. Đối với yêu cầu của bị hại: Bị cáo C đồng ý bồi thường 3.206.000 đồng, bị cáo G đồng ý bồi thường 2.000.000 đồng. và đã khắc phục, giao nộp tại Cơ quan điều tra. Tại lời nói sau cùng các bị cáo không có ý kiến gì.

Tại phiên tòa bị hại yêu cầu về trách nhiệm hình sự yêu cầu xử lý các bị cáo theo quy định của pháp luật; Về trách nhiệm dân sự yêu cầu các bị cáo phải bồi thường 5.206.000 đồng và đồng ý bị cáo C bồi thường 3.206.000 đồng, bị cáo G bồi thường 2.000.000 đồng.

Trong quá trình điều tra và tại đơn xin giải quyết vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra huyện Long Phú, Điều tra Viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng. Xét thấy, họ đã có đơn xin giải quyết vắng mặt và sự vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử và tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát, các bị cáo, bị hại không yêu cầu hoãn phiên tòa. Căn cứ vào Điều 292, Điều 293 và Điều 299 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[3] Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai rõ hành vi phạm tội của mình như tại cơ quan Điều tra, lời khai của các bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như: Kết luận định giá tài sản số 01/KL.HĐĐGTS ngày 18/01/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự của Ủy ban nhân dân huyện L, hiện trường vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án cụ thể: Do muốn có tiền để thỏa mãn nhu cầu tiêu xài cá nhân nên ngày 01/01/2021 bị cáo Trần Hoàng G điều khiển xe mô tô nhãn hiệu FUSIN, màu

sơn đen - xám, biển kiểm soát 83P4 - 083.35 số máy FMH380000567, số khung H4RR8D000567 (xe của bị cáo Gấm) chở bị cáo Nguyễn Thạch C đi mua cây mai nhưng khi thấy bị hại có đeo dây chuyền vàng nên các bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt sợi dây chuyền của bị hại nên bị cáo C có hành vi nhanh chóng dùng tay phải giật đứt sợi dây chuyền vàng sợi 17K, trọng lượng 2,69 chỉ của bị hại trị giá 10.706.200 đồng trên cổ của bị hại rồi bỏ chạy ra ngoài xe của bị cáo Gđang đợi sẵn và liền tăng ga bỏ chạy. Hành vi mà các bị cáo đã thực hiện phạm vào Tội cướp giật tài sản theo quy định tại khoản 1, Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[4] Do đó, cáo trạng số 11/CT-VKS-LP ngày 22/4/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Sóc đã truy tố bị cáo Nguyễn Thạch C và bị cáo Trần Hoàng Gvề Tội cướp giật tài sản theo quy định tại khoản 1, Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan cho các bị cáo nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Xét về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi, khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, vì muốn có tiền tiêu sài cá nhân mà các bị cáo có hành vi nhanh chóng giật lấy 01 sợi dây chuyền vàng sợi 17K, trọng lượng 2,69 chỉ của bị hại trị giá 10.706.200 của bị hại Trương Thị Huỳnh Như.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nghiêm trọng, đã trực tiếp xâm hại đến tài sản hợp pháp của người bị hại một cách trái pháp luật; ngoài ra hành vi phạm tội của các bị cáo còn ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Cho nên, đối với các bị cáo cần phải xử nghiêm để cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt; góp phần phòng chống tội phạm chung cho toàn xã hội.

Tuy nhiên, trong vụ án này bị cáo Nguyễn Thạch C và bị cáo Trần Hoàng Gcùng thực hiện hành vi phạm tội nhưng không có sự bàn bạc thỏa thuận, phân công vai trò không thể hiện sự cấu kết chặt chẽ để thực hiện hành vi phạm tội nên các bị cáo phạm tội là có đồng phạm nhưng chỉ là đồng phạm giản đơn.

[6] Để cá thể hóa hình phạt của từng bị cáo, Hội đồng xét xử phân tích, đánh giá hành vi phạm tội của từng bị cáo như sau:

Đối với bị cáo Nguyễn Thạch C: Trong vụ án này bị cáo là người giữ vai trò chính, bị cáo là người xúi giục đồng thời là người thực hành cụ thể. Khi thấy bị hại có đeo sợi dây chuyền vàng, bị cáo xúi giục bị cáo Gthực hiện hành vi phạm tội, bị cáo là người trực tiếp thực hiện hành vi giật sợi dây chuyền trên cổ của bị hại. Mặt khác, bị cáo có một tiền sự vì ngày 14/6/2017 bị cáo bị Công an huyện C Thành, tỉnh Hậu Giang ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính (Quyết định số 21) về hành vi xâm hại đến sức khỏe của người khác, bằng hình thức phạt tiền với mức phạt 2.500.000 đồng, bị cáo chưa thực hiện việc nộp phạt và có nhân thân xấu vì ngày 07/8/2004, bị cáo bị Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc về hành vi gây rối trật tự công cộng, trong thời hạn 24 tháng, bị cáo chấp hành tại Cơ sở giáo dục bắt buộc Cồn Cát, đến ngày 7/5/2006 thì chấp hành xong nhưng bị cáo không sửa chữa mà còn tiếp tục thực hiện hành

vi phạm tội nên cần có hình phạt nghiêm khắc để giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội. Tuy nhiên, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, tự nguyện khắc phục hậu quả. Do đó, cần cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ.

Đối với bị cáo Trần Hoàng Gấm: Bị cáo là đồng phạm tích cực trong vụ án với vai trò là người giúp sức cụ thể: Khi được bị cáo Nguyễn Thạch C rủ, bị cáo đồng ý, bị cáo sử dụng xe mô tô nhãn hiệu FUSIN, màu sơn đen - xám, biển kiểm soát 83P4 - 083.35 số máy FMH380000567, số khung H4RR8D000567 của mình nổ máy đợi sẵn, khi thấy bị cáo C chiếm đoạt được sợi dây chuyền của bị hại xong, bị cáo điều khiển xe chở bị cáo C đi bán sợi dây chuyền, chia tiền cho bị cáo C nên cần có hình phạt nghiêm khắc để giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội. Mặt khác, bị cáo có nhân thân xấu cụ thể vào ngày 29/9/2011 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện L xử phạt 09 tháng tù về Tội trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009 (bản án số 26); ngày 31/10/2011 Bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện C Thành, tỉnh Sóc Trăng xử phạt 01 năm 03 tháng tù về Tội trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009 (bản án số 53); Bị cáo chấp hành xong tổng hợp hình phạt của hai bản án là 02 năm tù vào ngày 21/4/2013 và đã nộp án phí vào ngày 17/01/2012 nên đã được xóa án tích. Tuy nhiên, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, tự nguyện khắc phục hậu quả và bị cáo có mẹ ruột là người có công với cách mạng. Do đó, cần cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra bà Trương Thị Huỳnh Như yêu cầu các bị cáo phải bồi thường cho bà 5.206.000 đồng và các bị cáo đồng ý trả cho bà Như số tiền trên cụ thể bị cáo G đồng ý bồi thường 2.000.000 đồng; bị cáo C đồng ý bồi thường 3.206.000 đồng nên căn cứ vào Điều 584, Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của các bị cáo và buộc bị cáo G bồi thường cho bị hại Như 2.000.000 đồng; bị cáo C bồi thường cho bị hại Như 3.206.000 đồng.

Mặt khác, đối với số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) là số tiền mà bị cáo G giao nộp tại cơ quan điều tra: Tại phiên tòa bị cáo cho rằng số tiền có được do bán được sợi dây chuyền nhưng bị cáo nộp là để khắc phục hậu quả cho bị hại và nhằm đảm bảo quyền lợi cho bị cáo, bị hại nên Hội đồng xét xử xác định số tiền trên là tiền khắc phục hậu quả cho bị hại G là có căn cứ. Nên xét đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Do đó, Tiếp tục giao cho cơ quan thi hành án dân sự huyện L quản lý số tiền 2.000.000 đồng mà bị cáo G đã nộp để đảm bảo thi hành án.

[8] Về xử lý vật chứng:

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu FUSIN, màu sơn đen - xám, biển kiểm soát 83P4 - 083.35 số máy FMH380000567, số khung H4RR8D000567 là của bị cáo Gấm. Quá trình điều tra và tại phiên tòa chứng minh được bị cáo G điều khiển xe

83P4 - 083.35 đến tiệm tạp hóa của bị hại, sau khi bị cáo C cướp giật được sợi dây chuyền thì bị cáo G điều khiển xe 83P4 - 083.35 chở bị cáo C bỏ chạy nên là phương tiện dùng vào việc phạm tội nên áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu sung vào ngân sách nhà nước

- 01 (một) áo sơ mi dài tay, màu trắng có sọc kẻ dọc màu đen; 01 (một) áo khoác màu xám, loại vải dù; 01 (một) quần dài, loại vải kaki, màu xám; 01 (một) nón bảo hiểm màu xanh, phía sau có chữ NÓN SƠN, là của bị cáo G mặc trong lúc thực hiện hành vi phạm tội. Đối chiếu với điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự cần tịch thu và tiêu hủy.

- 01 (một) sợi dây chuyền vàng 17K, trọng lượng 2,69 chỉ mà các bị cáo chiếm đoạt của bị hại Trương Thị Huỳnh Như và bán cho bà Trần Huệ Linh. Sau đó, bà Trần Huệ Linh đã nung chảy và đổi sản phẩm vàng khác nên không thu hồi được nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[9] Đối với bà Trần Huệ Linh là người đã mua sợi dây chuyền vàng từ bị cáo C và G nhưng bà Linh không biết sợi dây chuyền vàng là do bị cáo C và G cướp giật được, nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện L không xử lý bà Linh về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có là có căn cứ, đúng pháp luật.

[10] Về án phí: Các bị cáo phải chịu 200.000 án phí hình sự sơ thẩm và bị cáo C phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a, g khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[13] Xét lời đề nghị của Kiểm sát viên về tội danh, về hình phạt, về trách nhiệm dân sự, việc áp dụng pháp luật, xử lý vật chứng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thạch C và bị cáo Trần Hoàng G phạm Tội cướp giật tài sản.

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 171; Điều 17, khoản 1 Điều 38; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Thạch C

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thạch C 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 06/01/2021.

2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 171; Điều 17, khoản 1 Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Trần Hoàng G.

Xử phạt bị cáo Trần Hoàng G 01 (một) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 06/01/2021.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 584, Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015

Buộc bị cáo Nguyễn Thạch C phải có trách nhiệm bồi thường cho bà Trương Thị Huỳnh Như số tiền là 3.206.000 đồng (Ba triệu hai trăm lẻ sáu nghìn đồng) và bị cáo Trần Hoàng G phải có trách nhiệm bồi thường cho bà Trương Thị Huỳnh Như số tiền là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng). (Tiếp tục giao cho Cơ quan thi hành án dân sự huyện L quản lý số tiền mà bị cáo Trần Hoàng G đã nộp là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) để đảm bảo thi hành án.

4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu FUSIN, màu sơn đen - xám, biển kiểm soát 83P4 - 083.35 số máy FMH380000567, số khung H4RR8D000567 (chủ sở hữu bị cáo Gắm).

- Tịch thu và tiêu hủy 01 (một) áo sơ mi dài tay, màu trắng có sọc kẻ dọc màu đen; 01 (một) áo khoác màu xám, loại vải dù; 01 (một) quần dài, loại vải kaki, màu xám; 01 (một) nón bảo hiểm màu xanh, phía sau có chữ NÓN SƠN.

5. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a, g khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Thạch C phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo Trần Hoàng G phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Các bị cáo; bị hại có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo; Bị hại; NLQ
- VKSND huyện L;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- CQĐT CA huyện L;
- Cơ quan THAHS CA huyện L;
- Nhà tạm giữ CA huyện L;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Thanh Hoa